

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 09/7/2025

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp quyền
nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Quốc Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bế Ngọc Báu

2. Bà Nông Diệu Huế

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên toà: Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1988; Có mặt;

- Bị đơn: Anh Triệu Văn B, sinh năm 1984; Có mặt.

Cùng địa chỉ thường trú: Xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Trần Thị P trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Triệu Văn B vào ngày 04/5/2011 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Cao Bằng (Nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Cao Bằng) việc đăng ký do hai bên tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, chị P cho rằng hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn một phần do mẹ chồng của chị luôn coi thường, xúc phạm chị, chồng chị luôn tin tưởng mẹ nên đã có những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình. Hai anh chị đã ly thân được hơn một năm. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung, có một con chung là cháu Triệu Minh H, sinh ngày 12/01/2011. Hiện nay cháu đang sống cùng với anh B. Sau khi ly hôn, cháu Hsẽ do bố chăm sóc và nuôi dưỡng, chị P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Có những đồ dùng sinh hoạt chung như Ti vi, tủ lạnh, bàn ghế, bình nóng lạnh, máy giặt,...khi chị làm dâu còn được sửa nhà, xây nhà tắm, xây chuồng lợn, chuồng trâu. Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân, chị có đôi Bg tai vàng nhưng mẹ chồng chị đã mượn để mua trâu và hứa hẹn trả lại nhưng tới nay vẫn không trả. Nay về tài sản, chị yêu cầu anh B có trách nhiệm thanh toán cho chị 100.000.000đ, tài sản sẽ do anh B sử dụng.

Nợ chung xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2025 và các lời khai tiếp theo anh Triệu Văn B trình bày: Anh xác nhận các vấn đề về thời gian kết hôn, tình cảm, con cái như chị P trình bày là đúng. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn do chị P có quan hệ ngoài luồng với người khác. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Triệu Minh H. Sau khi ly hôn anh nhất trí sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không nhất trí với yêu cầu của chị P. Những tài sản như chị P liệt kê sẽ để lại cho con chung là Triệu Minh H.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2025 của Tòa án, bà Hoàng Thị Luyên cho biết: Bà là mẹ chồng của chị P, mẹ đẻ của anh B. Chị P và anh B kết hôn vào năm 2011, kết hôn tự nguyện và có được tìm hiểu. Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống cùng bà tại xóm B. Ban đầu anh chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên tới năm 2022, gia đình phát hiện chị P ngoại tình với một người đàn ông khác và nợ nần ở ngoài, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả. Tới tháng 10/2023, chị P mượn xe họ hàng đi bán rồi về nhà ngoại sinh sống, từ đó chị P và anh B ly thân. Anh chị có 01 con chung hiện đang sống cùng bố và bà tại xóm B. Về tài sản, không có sự việc đôi Bg tai như chị P trình bày, vào năm 2011 bà mua trâu với họ hàng nhưng không vay tiền chị P để mua trâu. Từ khi chị P đi làm, chị P kiếm tiền tự chi tiêu, bà không được vay mượn gì với chị P. Về các tài sản như chuồng trâu chuồng ngựa là bà và anh B làm, khi đó chị P đi làm không gửi tiền cũng không góp công, còn nhà tắm do chị P và B cùng làm. Tuy nhiên về yêu cầu được thanh toán 100.000.000đ của chị P, bà không nhất trí, do chị P đi làm từ 2015 không gửi tiền về giúp nuôi con.

Tại biên bản xác minh ngày 25/6/2025 của Tòa án, qua việc xác minh với trưởng xóm xóm B, xã X, huyện T, (Nay là xã Q) tỉnh Cao Bằng cho biết: Chị P và anh B là công dân sinh sống tại xóm B. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần, thậm chí có cả xô xát, lý do là vì khi chị P đi làm công nhân có vay nợ nhiều nên đã mang xe tự mua đi cầm cố, ngoài ra chị P còn có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Khi chị P và anh B xảy ra xô xát, chị P

có đăng video lên mạng khiến anh B bức xúc, tổ hòa giải xóm chưa được làm việc hòa giải nhưng bản thân trưởng xóm đã được can thiệp, khuyên bảo nhiều lần. Hiện chị P đã về nhà ngoại sinh sống. Hai anh chị có 01 con chung là cháu Triệu Minh H, hiện đang sống tại xóm B cùng bố và bà nội. Chủ yếu cháu H do bà nội chăm sóc. Anh B làm nghề tự do và chịu khó làm ăn, có đủ khả năng để chăm sóc cũng như đảm bảo các điều kiện sống khác cho con.

Tại phiên tòa:

Chị P xác định mâu thuẫn vợ chồng đã không thể hàn gắn được nữa nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh B. Về con chung, chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị P thay đổi yêu cầu khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu được hưởng 100.000.000đ từ khối tài sản chung, không yêu cầu tòa án xem xét về tài sản chung. Về nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B giữ nguyên ý kiến của mình, nhất trí ly hôn với chị P. Về con chung, anh B tôn trọng ý kiến của con nếu con lựa chọn ở với bố thì anh sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị P rút toàn bộ yêu cầu về phần tài sản anh B không có ý kiến gì. Về nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 59, 61, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Triệu Văn B.

- Về con chung: Giao cháu Triệu Minh H, sinh ngày 12/01/2011 cho anh Triệu Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi (Hoặc đến khi có bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế). Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị P.

Sau khi ly hôn, chị P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa chị Trần Thị P rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản. Nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:* Bị đơn Triệu Văn B có hộ khẩu thường trú tại xóm B, xã Q, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – tỉnh Cao Bằng. Căn cứ Đơn yêu cầu khởi kiện Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị P và anh Triệu Văn B cùng xác nhận đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, (Nay là Ủy ban nhân dân xã Q), tỉnh Cao Bằng, việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, nên việc kết hôn giữa chị P và anh B là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn trở nên gay gắt và thậm chí trưởng xóm cũng can thiệp nhiều lần nhưng không mang lại kết quả. Tại tòa cả hai đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều nhất trí thuận tình ly hôn. Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh B đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị P, ý kiến nhất trí ly hôn của anh B và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Hai bên đương sự xác nhận có một con chung là cháu Triệu Minh H, sinh ngày 12/01/2011. Hiện nay cháu đang sống cùng bố tại xóm B. Trong đơn xin ly hôn chị P mong muốn con chung sẽ do anh B chăm sóc và nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị P thay đổi yêu cầu và mong muốn được trực tiếp nuôi con. Anh B cho biết sẽ tôn trọng nguyện vọng của con, nếu con chung lựa chọn chung sống với anh, anh sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với chị P. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2025 với cháu Triệu Minh H và tại phiên tòa, cháu trình bày nguyện vọng muốn tiếp tục ở với bố vì đã ở với bố từ nhỏ, cũng như đang học hành tại X. Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu H cho anh Triệu Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Ngoài ra, qua việc xác minh tại nơi thường trú của anh B và cháu H cho thấy hiện nay cháu H đang sinh sống cùng bố và bà nội tại xóm B, xã X (nay là xã Q), việc sinh hoạt hàng ngày của cháu được bà nội hỗ trợ chăm sóc, bản thân anh B cũng chăm chỉ lao động tự do có thu nhập nên đảm bảo về việc trực tiếp nuôi con. Về phần chị P hiện nay chưa có chỗ ở ổn định, từ khi ly thân chị phải về sống nhờ nhà bố mẹ đẻ, tại phiên tòa chị P cho biết nếu chị trực tiếp nuôi con chị sẽ đưa cháu H về sống nhờ nhà ông bà ngoại và chị sẽ đi làm công nhân để kiếm tiền nuôi con. Như vậy, nếu giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi con sẽ

không đảm bảo cho việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung và cũng trái với nguyện vọng của con chung.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy cần giao cháu Triệu Minh H cho anh Triệu Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là có căn cứ. Do anh B không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra việc xem xét cấp dưỡng nuôi con đối với chị P.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung:

Tại đơn yêu cầu khởi kiện và biên bản hòa giải chị P cho rằng hai vợ chồng có những tài sản chung như: Tủ lạnh, bàn ghế, máy nóng lạnh, chị P được xây nhà tắm, sửa nhà, làm chuồng trâu, chuồng lợn,... Chị P yêu cầu anh B có trách nhiệm thanh toán cho chị P 100.000.000đ tiền tài sản chung, còn các tài sản trên sẽ do anh B sử dụng. Tại phiên tòa chị P rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung và không yêu cầu tòa án giải quyết về phần tài sản chung trong vụ án này.

Xét thấy, chị P hoàn toàn tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu về phần tài sản chung, không yêu cầu tòa án xem giải quyết trong vụ án này. Anh B không có ý kiến gì về việc rút yêu cầu của chị P. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận về việc rút toàn bộ yêu cầu về việc chia tài sản chung của chị P và không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Trong quá trình hòa giải các bên đương sự đã tự nguyện ly hôn nên mỗi bên phải chịu 75.000 đồng tiền án phí yêu cầu xin ly hôn để sung quỹ Nhà nước. Về án phí chia tài sản chung chị P đã rút toàn bộ yêu cầu về phần tài sản chung, nên chị P không phải chịu án phí về chia tài sản chung.

Chị P đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng tại biên lai thu nộp án phí, lệ phí Tòa án số 0002768 ngày 16/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Nay chị P được hoàn trả lại số tiền 2.425.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Triệu Văn B.

2. *Về con chung:* Giao cháu Triệu Minh H, sinh ngày 12/01/2011 cho anh Triệu Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18

tuổi (Hoặc đến khi có bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế). Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị P.

Sau khi ly hôn, chị P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Nguyên đơn rút yêu cầu về phần tài sản tại phiên. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị P và anh Triệu Văn B mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Chị P đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng tại biên lai thu nộp án phí, lệ phí Tòa án số 0002768 ngày 16/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, nay được trừ vào số tiền án phí chị P phải nộp. Chị P được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp quá là 2.425.000 đồng.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị P và anh B có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKS khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nông Quốc Hùng